

Bản án số: 395/2024/DS-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú:** Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 408/2023/DSST ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 490/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty T (Việt Nam);

Địa chỉ: số I đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001, địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 20/01/2024)

**- Bị đơn:** Bà Mai Thị Ngọc V, sinh năm 1992;

Địa chỉ: số G đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà V vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/11/2022, bà Mai Thị Ngọc V ký giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) số 3947185 với Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) về việc cấp tín dụng cho bà V với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng). Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà V. Theo Hợp đồng tín dụng, bà V có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng số tiền 2.118.175 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/12/2022 đến ngày

15/11/2024. Tuy nhiên, từ ngày 17/12/2022 bà V đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đối với khoản vay mà Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà V thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà V về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà V vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T. Mặc dù Công ty T đã thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp với bà V, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Công ty T, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Công ty T yêu cầu bà V trả ngay cho Công ty T tính đến ngày 28/6/2024 là 59.325.421 đồng, bao gồm các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.424.031 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 16.042.813 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn, chậm trả: 11.858.577 đồng.

Đồng thời bà V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19/02/2024 và 20/3/2024 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn bà Mai Thị Ngọc V vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Tại phiên tòa xét xử:*

- Công ty T (do bà Nguyễn Phước Quỳnh G là đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời có bản tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu bà Mai Thị Ngọc V trả ngay cho Công ty T tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 59.325.421 đồng (*Năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi một đồng*). Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.424.031 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 16.042.813 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn, chậm trả: 11.858.577 đồng.

Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.

- Bị đơn bà Mai Thị Ngọc V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Công ty T và bà Mai Thị Ngọc V ký giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3947185 ngày 16/11/2022. Sau khi ký kết Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà V với khoản vay là 32.310.000 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng*). Theo Hợp đồng tín dụng, bà V có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.118.175 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/11/2024. Tuy nhiên, từ ngày 17/12/2022 bà V không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà Công ty T đã giải ngân. Mặc dù Công ty T đã thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp với bà V, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Công ty T, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 28/6/2024 tổng số tiền bà V phải thanh toán là 59.325.421 đồng, trong đó dư nợ gốc là 31.424.031 đồng, lãi trong hạn là 16.042.813 đồng và lãi quá hạn, chậm trả là 11.858.577 đồng. Xét thấy, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại hợp đồng nên yêu cầu của Công ty T đối với bà Mai Thị Ngọc V là đúng với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T và giấy Đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/9/2022. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn bà Mai Thị Ngọc V cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:**

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Mai Thị Ngọc V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty T và bị đơn bà Mai Thị Ngọc V.

### **[3] Về yêu cầu của các đương sự:**

*- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 59.325.421 đồng (trong đó nợ gốc: 31.424.031 đồng, lãi trong hạn: 16.042.813 đồng và lãi quá hạn, chậm trả: 11.858.577 đồng).*

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3947185 ký ngày 16/11/2022 giữa bà V với Công ty T thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Bà V yêu cầu Công ty T cho vay với hạn mức tín dụng là 32.310.000 đồng. Từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3947185 ký ngày 16/11/2022, Công ty T đã giải ngân cho bà V số tiền 32.310.000 đồng. Trong việc thực hiện hợp đồng trên, bà V là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng. Do đó, Công ty T yêu cầu bà V thanh toán số tiền 59.325.421 đồng (trong đó nợ gốc: 31.424.031 đồng, lãi trong hạn: 16.042.813 đồng và lãi quá hạn, chậm trả: 11.858.577 đồng) là phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.- *Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số nợ khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ.*

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 59.325.421 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có căn cứ chấp nhận.

*- Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên.*

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày kế tiếp ngày Tòa án xét xử nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

#### **[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

#### **Áp dụng:**

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
- Điều 6, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).**

Buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc V có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 28/6/2024 là 59.325.421 đồng (*Năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi một đồng*). Trong đó:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.424.031 đồng.

Số tiền lãi trong hạn: 16.042.813 đồng.

Số tiền lãi quá hạn, chậm trả: 11.858.577 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Mai Thị Ngọc V phải chịu số tiền 2.966.271 đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi một đồng*).

Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí 989.164 đồng (*Chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu số 0006706 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

**3. Địa điểm thi hành:** Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**4. Quyền kháng cáo:** Công ty T và bà Mai Thị Ngọc V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thùy Trang**

